TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hà Ngân - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Vân Nga.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 273/2022/ TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "Yêu cầu thuận tỉnh ly hôn, thỏa thuận nuôi con", theo Quyết định mở phiên họp số 41/2023/QĐ-TA ngày 15 tháng 3 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Chị Nguyễn Thị Hương D, sinh năm 1993. Nơi ĐKNKTT: Xóm L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin giải quyết vắng mặt

- Anh Trần Tiến Q, sinh năm 1987; Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Xóm L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Có ý kiến xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn có tại hồ sơ, chị Nguyễn Thị Hương D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Tiến Q kết hôn vào ngày 25 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh được gần 01 năm thì khoảng tháng 10/2015, anh Q đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến tháng 7/2021, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do đặc thù công việc của chị D thường xuyên phải đi làm các chương trình nghệ thuật nên bố chồng nghi ngờ và có đánh đập chị D nhưng anh Q không những không hòa giải mà còn đồng tình với bố anh Q. Từ đó, vợ chồng chị D, anh Q càng ngày càng ít liên hệ với nhau. Hiện tại, bản thân chị D cảm

thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Tiến Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Bảo N, sinh ngày 15/8/2016. Từ bé đến nay, con ở với chị D, nên nguyện vọng của chị D là đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc chị D không thể về tham gia giải quyết vụ việc được nên chị T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nộp tại hồ sơ.

Tại buổi làm việc ngày 27/12/2022, với sự chứng kiến của ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị H bố mẹ đẻ của anh Q và chị Nguyễn Thị Hương D, qua cuộc gọi bằng hình ảnh của ông Trần Đình T1 bố đẻ của anh Trần Tiến Q, anh Q đã trình bày về quá trình kết hôn, chung sống, thời gian và lý do xảy ra mâu thuẫn cơ bản thống nhất như trình bày của chị Nguyễn Thị Hương D. Tại cuộc gọi, anh Q cũng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hương D và anh Trần Tiến Q, công nhận sự thống nhất thỏa thuận giao con chung Trần Bảo N, sinh ngày 15/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Hương D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Công nhận sự thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do điều kiện công việc ở nước ngoài không thể về trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc ly hôn giữa hai bên nên anh Q cũng đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt anh, đồng thời ủy quyền cho ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ anh Q thay mặt anh Q giao nhận văn bản tài liệu tố tụng với Tòa án.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Trần Tiến Q hiện đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, có xác nhận Cục Q1 tại Công văn số 23654/QLXNC-P5 ngày 07/11/2022. Hộ khẩu thường trú của anh Q là xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị Hương D có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ

luật TTDS năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị Nguyễn Thị Hương D làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 BLTTDS. Quá trình giải quyết, các bên đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ việc và thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cùng các quan hệ con chung, tài sản chung nên Tòa án đã ra Quyết định chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án thành việc hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 29 BLTTDS. Chị Nguyễn Thị Hương D và anh Trần Tiến Q đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc. Anh Trần Tiến Q đã ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bố mẹ đẻ là ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị H. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị D anh Q theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương D và anh Trần Tiến Q có đủ các điều kiện kết hôn; thực hiện việc đăng ký kết hôn hợp lệ vào ngày 25 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định hôn nhân của chị D và anh Q là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D, anh Q chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021, hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong mọi mặt cuộc sống. Hơn nữa, do anh Q ở xa, vợ chồng không ở gần nhau nên thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D, anh Q đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự cũng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hương D và anh Trần Tiến Q là phù hợp.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Bảo N, sinh ngày 15/8/2016. Xét từ bé đến nay, cháu N đều do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu N đã có đơn nguyện vọng được ở với mẹ, các đương sự cũng thỏa thuận thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ nên HĐXX cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về trách nhiệm trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo đề nghị của các bên là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 29; Điểm b, khoản 1 điều 37; Điều 39; Điều 149; Các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều

35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hương D và anh Trần Tiến Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Trần Bảo N, sinh ngày 15/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Hương D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần Tiến Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi có quyết định ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị Hương D(đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000432 ngày 07/12/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh). Anh Q phải nộp 300.000đ tiền lệ phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Xuân, Kỳ Anh
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Hà Ngân